

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2025

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến ngày 21/11/2025)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 10-80mm, có nơi trên 100mm như: trạm Yên Bái 117.2mm...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái tăng so với tuần trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 79%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang ở mức cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy cao hơn với TBNN cùng kỳ 6%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước do dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy cao hơn so với TBNN cùng kỳ 111%. + Trên sông Hồng: Mức nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm và chịu điều tiết của các hồ chứa thủy điện tuyến trên (trong tuần hồ Hòa Bình, hồ Tuyên Quang và Thác bà đã điều tiết mở cửa xả). Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 118%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-40mm, có nơi trên 40mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái sẽ giảm so với tuần trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 13%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ giảm so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 3%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế ít biến đổi so với 7 ngày trước và dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 71%. + Trên sông Hồng: Hạ lưu sông Hồng tiếp tục biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng điều tiết của các thủy điện tuyến trên. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 35%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-20mm, có nơi trên 50mm như: trạm Ngân Sơn (Bắc Kạn) 57.8mm...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: lưu lượng dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy ít biến đổi so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 77%. + Trên sông Lục Nam: dòng chảy trên sông Lục Nam đang biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ ít biến đổi so với kỳ trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 13%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 5-20mm, có nơi trên 20mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu: dòng chảy tại trạm Gia Bảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy giảm so với kỳ trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 83%. + Trên sông Lục Nam: dòng chảy tiếp tục biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo thấp hơn kỳ trước và cao hơn TBNN cùng kỳ 62%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-60mm, có nơi trên 100mm như: Như Xuân (Thanh Hóa) 123.3mm...
- Tổng lượng dòng chảy: + Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm hơn so với tuần trước, riêng các sông ở Thanh Hóa cao hơn. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 56%, sông Cả tại Yên Thượng cao hơn 23%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm cao hơn khoảng 70%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 125%. + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, dòng chảy trên các sông từ Quảng Trị đến Tp. Huế ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 64%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phía Bắc phổ biến 15-30mm, có nơi trên 50mm; phía Nam phổ biến 80-400mm, có nơi trên 600mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN 37%,

sông Cả tại Yên Thượng cao hơn 18%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 44%.
 + Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Từ ngày 16-19/11, trên các sông có khả năng xuất hiện 1 đợt lũ, lưu lượng dòng chảy tăng cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 186%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 2-10mm, có nơi trên 30mm như: Cam Ranh (Khánh Hòa) 38.9mm.
Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, dòng chảy trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang thấp hơn TBNN cùng kỳ từ 22-24%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, Lưu lượng dòng chảy trên thượng nguồn các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa thấp hơn 54%, sông Ba (Đắk Lắk) tại trạm Củng Sơn cao hơn 34%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng thấp hơn 6%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 514%, sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao cao hơn 86% so với TBNN.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 100-400mm, có nơi trên 700mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Từ ngày 16-19/11, trên các sông có khả năng xuất hiện 1 đợt lũ, lưu lượng dòng chảy tăng cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn và sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn khoảng từ 57-62%. + Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Sẽ xuất hiện một đợt lũ, đỉnh lũ ở mức BĐ2-BĐ3, có sông trên BĐ3. Lưu lượng dòng chảy trên các sông sẽ tăng nhanh. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn cao hơn so với TBNN 74% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng ở mức cao hơn 61%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 5-30mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên

các sông giảm dần. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 75%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 62%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 50-200mm, có nơi trên 300mm.

Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, trên lưu vực có khả năng xuất hiện 1 đợt lũ, lưu lượng dòng chảy đến các sông trên lưu vực Sê San và Srêpôk tăng cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 63%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn cao hơn 57%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm với xu thế giảm dần, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn 40% so với TBNN và trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn 37% so với TBNN.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/11/2025.

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm
Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/11/2025

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	18.3	>17	0.2	0	6.2	21.7	0.3	0	0	28.4	>116
	Sơn La	4.1	<64	0	0	6.4	1.8	2.3	0.2	0	10.7	>443
	Hòa Bình	58	>837	0	0.4	0.6	3.6	1.5	0.2	0	6.3	<5
	Lào Cai	52.7	>426	0	0	15.5	24.7	0.1	0	0	40.3	>429
	Yên Bái	117.2	>801	0	0.3	0.8	2.1	0.9	0	0	4.1	<36
	Tuyên Quang	66.9	>409	0	0	1.3	4.3	0.7	0	0	6.3	<44
	Hà Giang	69.2	>319	0	0.1	15.5	16.4	0	0	0	32	>211
	Láng	51	>433	0	0.1	0.2	2.7	2.6	0.1	0	5.7	<49
	Thái Bình	43.5	>374	0.1	3.2	0.1	10.2	0.7	0.9	0	15.2	>12
	Nam Định	13.1	>42	0.3	2.2	0.8	7.3	0.5	0.2	0	11.3	>7
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	33.1	>224	0	4.6	8.4	3.2	0.9	0	0	17.1	>105
	Thái Nguyên	19.7	>21	0	0	2	2.5	3.1	0	0	7.6	<33
	Bắc Ninh	7.3	<57	0	1.3	0.3	2	1.8	0.5	0	5.9	<49
	Lạng Sơn	0.5	<97	0	0	4.6	8.1	6.8	0	0	19.5	>217
	Bắc Giang	3	<74	0	0.3	0.2	2.3	5.6	0.1	0	8.5	<23
	Hải Dương	2.9	<78	0	1.8	0.6	1.4	6	0.7	0	10.5	<13
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	60.7	>666	0	3.6	4	4.2	0.1	0	0	11.9	>143
	Bái Thượng	97	>361	0	4.1	0.8	11.3	5.7	0.1	0	22	>159
	Thanh Hóa	20.2	>15	0	6.1	0.9	11.8	1.1	0	0	19.9	>110
	Quỳ Châu	53.6	>362	0	2.3	5.5	8.7	1.1	0	0	17.6	>102
	Cửa Rào	14.4	>99	0	0.7	5.5	9.7	0.6	0.1	0	16.6	>132
	Đô Lương	31.3	>22	0.3	10.4	21.3	8.5	3.1	0	0	43.6	>124

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
	Vinh	49.8	>41	4.1	17.2	43.5	16.6	0.3	0	0	81.7	>176
	Hương Sơn	26.4	<48	2.5	7.8	11.4	9.8	1.2	0	0	32.7	>80
	Hương Khê	66.6	>92	6.7	14.7	29.9	17.9	6.1	0.1	0	75.4	>58
	Hà Tĩnh	68.3	>30	18.8	61.6	55.5	26.3	7.3	1.6	0	171.1	>95
	Đồng Hới	5.3	<89	30.4	117.7	41.6	51.7	19	11.3	0.1	271.8	>356
	Quảng Trị	8.3	<91	13.7	60	84.6	62.6	25.6	13.8	0.2	260.5	>151
	Nam Đông	15.4	<92	56.8	66.5	130.6	226.6	52.7	57.5	3.6	594.3	>220
	Huế	6	<95	56.7	64.6	130.5	138.6	42.8	40.6	3	476.8	>177
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	0.9	<99	38.6	77.6	82.2	48.1	35.3	25.6	2.3	309.7	>164
	Trà My	1.2	<99	33	72.6	60	229.1	77.6	46.7	10.4	529.4	>128
	Ba Tơ	0	<100	15.5	84.3	57.9	258.8	223.9	100.2	43.5	784.1	>260
	Quảng Ngãi	1.4	<99	32.9	81	68.3	155.9	201.9	70.4	62.6	673	>412
	Quy Nhơn	0	<100	20.9	75.9	26.4	83.4	133.1	73.5	79	492.2	>339
	An Khê	0	<100	6.3	53	4.3	56.6	97.5	45	10	272.7	>239
	Tuy Hòa	0	<100	17.6	90.4	16.7	55.6	90	67.1	74.4	411.8	>252
	Nha Trang	27.4	<59	21	84.5	12.8	69.5	71.9	47.3	69.5	376.5	>279
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	34.1	>185	0	52.6	3.2	107.7	53.5	81.6	5.3	303.9	>2680
	Đắk Lắk	0.9	<98	3.6	21.6	9.2	5.9	21.3	0.5	1.8	63.9	>149
	Buôn Mê Thuật	25.6	<16	1.1	29.6	2.6	13.6	32.1	1.6	3.6	84.2	>289
	Biên Hòa	40.6	>97	1.9	17.6	2.2	5	8.4	7.6	11.1	53.8	>233
	Cần Thơ	9.7	<64	0	11.8	4.2	16.8	14.1	0.7	12.6	60.2	>156

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/11/2025

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	So sánh TBNN (%)
Thao	Yên Bái	546	>79	37	34	37	42	40	37.0	34	216	>13
Lô	Tuyên Quang	304	>6	35	32	35	37	35	35.0	32	241	<3
Đà	Hồ Hòa Bình	1444	>111	147	140	141	143	134	130.0	130	959	>71
Hồng	Hà Nội	2082	>118	193	183	173	154	144	154.0	164	1165	>35
Cầu	Gia Bảy	48	>77	5.48	6.02	5.8	5.48	5.28	5.0	5.48	38.5	>83
Lục Nam	Chũ	12.3	<13	1.32	1.27	1.19	1.15	1.15	1.1	1.19	8.38	>62
Mã	Cầm Thủy	270	> 56	30.4	29.8	29.2	28.9	28.4	27.8	27.8	203	> 37
Cả	Yên Thượng	405	> 23	45.4	44.5	43.6	43.2	42.3	41.5	41.5	302	> 18
La	Hòa Duyệt	268	> 125	20.9	20.5	20	19.9	19.5	19.1	19	139	> 44
Tả Trách	Thượng Nhật	46.5	> 64	5.2	6.9	14.7	19.4	12.3	6.5	5.2	70.2	> 186
Thu Bồn	Nông Sơn	483	< 22	88.1	125.3	181.4	302.4	172.8	116.6	80.8	1067	> 62
Trà Khúc	Sơn Giang	304	< 24	41	56.2	144.3	207.4	129.6	95.0	64.4	737.9	> 57
Ba	Củng Sơn	589	>34	86.4	73.4	76	190	177	117	66.5	786	>74
Cái N,T	Đồng Trăng	52.4	<6	25.9	12.1	11.2	10.4	27.7	24.2	15.6	127	>61
ĐăkBlá	KonTum	23	< 75	3	5.36	7.17	7.34	4.06	3.6	3.28	33.9	< 63
Srêpôk	Giang Sơn	188	> 62	17.6	16.9	23.3	28	31.3	32.9	33	183	> 57
Tiền	Tân Châu			1860	1816	1773	1739	1721	1687	1651	12245	>40
Hậu	Châu Đốc			387	378	366	357	353	337.0	329	2505	>37